

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày
31/12/2008

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho thời kỳ	
5. tài chính từ ngày 01/6/2008 đến 31/12/2008	6
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ	
tài chính từ ngày 01/6/2008 đến 31/12/2008	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008.

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Trần Duy Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Nghiêm	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Phó giám đốc

3. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; đại lý, môi giới; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn chuyên doanh khác còn lại.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động của thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến 31/12/2008 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 04 đến trang 19.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính của Công ty.

6. Các khoản nợ bất ngờ và các khoản mục bất thường

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính. Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kì số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty tư vấn và kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến 31/12/2008.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2009

Số: 148/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO THỜI KỲ TÀI CHÍNH TỪ
NGÀY 01/6/2008 ĐẾN NGÀY 31/12/2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi : CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008 (từ trang 04 đến trang 19). Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì các báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Phó Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuyền
Chứng chỉ KTV Số: 0188/KTV

Nguyễn Lương Nhân
Chứng chỉ KTV Số: 0182/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Tài sản ngắn hạn	100		56.648.804.257	83.475.472.777
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	10.868.532.474	14.239.563.509
1. Tiền	111		6.868.532.474	10.239.563.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	22.410.727.100	34.003.827.585
1. Phải thu khách hàng	131		21.736.578.896	31.591.568.549
2. Trả trước cho người bán	132		23.640.000	145.465.536
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		650.508.204	2.266.793.500
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	22.431.746.158	33.346.969.262
1. Hàng tồn kho	141		26.557.284.696	33.346.969.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.125.538.538)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		937.798.525	1.885.112.421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		550.541.711	1.534.911.806
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	4.534.704
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	387.256.814	345.665.911
B. Tài sản dài hạn	200		40.917.254.351	41.880.658.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.226.752.964	38.226.308.072
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	31.511.352.961	33.517.974.739
- Nguyên giá	222		91.809.697.344	91.085.645.499
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.298.344.383)	(57.567.670.760)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	4.562.475.243	4.708.333.333
- Nguyên giá	228		5.000.000.000	5.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(437.524.757)	(291.666.667)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	1.152.924.760	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.605.200.000	3.605.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	3.605.200.000	3.605.200.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		85.301.387	49.150.536
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09	85.301.387	49.150.536
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.566.058.608	125.356.131.385

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Nợ phải trả	300		55.845.494.953	85.290.241.669
I. Nợ ngắn hạn	310		54.668.918.338	82.335.459.568
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	38.045.856.522	58.335.419.308
2. Phải trả người bán	312		1.447.827.997	2.658.381.169
3. Người mua trả tiền trước	313		9.982.400	999.760
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	576.946.156	2.734.448.799
5. Phải trả người lao động	315		2.707.014.346	4.097.544.639
6. Chi phí phải trả	316		-	217.249.761
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	11.881.290.917	14.291.416.132
II. Nợ dài hạn	330		1.176.576.615	2.954.782.101
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.054.972.451	2.954.782.101
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		121.604.164	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.14	41.720.563.655	40.065.889.716
I. Vốn chủ sở hữu	410		41.458.519.928	40.053.149.239
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.454.521.225	49.150.536
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		262.043.727	12.740.477
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		262.043.727	12.740.477
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.566.058.608	125.356.131.385
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			180.520.491	180.520.491
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			22.103.901	22.103.901
5. Ngoại tệ các loại			42.542,91	376.808,18
	US\$		13.999,92	376.382,72
	EUR		28.542,99	425,46
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Văn Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	96.588.903.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-
3. Doanh thu thuần	10		96.588.903.310
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	83.044.771.177
5. Lợi nhuận gộp	20		13.544.132.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	1.895.692.253
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	4.791.374.820
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.335.120.558
8. Chi phí bán hàng	24	VI.19	2.169.924.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.20	2.608.589.507
10. Lợi nhuận thuần	30		5.869.935.799
11. Thu nhập khác	31	VI.21	297.781.835
12. Chi phí khác	32	VI.22	110.172.753
13. Lợi nhuận khác(31-32)	40		187.609.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		6.057.544.881
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		727.935.793
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		85.301.387
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.414.910.475

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Văn Ngọc Lưu

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đức

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Kỳ này
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	6.057.544.881
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	2.876.531.713
Các khoản dự phòng	03	4.125.538.538
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	682.411.098
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(628.173.685)
Chi phí lãi vay	06	2.335.120.558
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	15.448.973.103
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	13.148.392.644
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	6.789.684.566
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(9.867.981.620)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.335.120.558)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(915.036.721)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(71.086.000)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh	20	22.197.825.414
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.876.976.605)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	325.773.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.551.202.920)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	35.961.109.458
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(59.154.615.258)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(840.291.732)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính	40	(24.033.797.532)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.387.175.038)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.239.563.509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(16.144.003)
Tiền tồn cuối kỳ	70	10.868.532.474

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Văn Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Liên doanh Bao Bì Hà Tiên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần Số 56-03-000144 ngày 30/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Danh sách cổ đông

	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	38,45%	1.538.050
Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	38,45%	1.538.050
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Phương Nam	10,00%	400.000
Các cổ đông khác	13,10%	523.900
	<u>100,00%</u>	<u>4.000.000</u>

Văn phòng chính đặt tại ấp Kinh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại..

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; đại lý, môi giới; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn chuyên doanh khác còn lại.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất sợi, vải dệt thoi và bao bì các loại.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/6/2008, kết thúc ngày 31/12/2008. Các niên độ kế toán tiếp theo bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
2. Các báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam;
3. Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho (tiếp theo)

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

5. Tiền lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa	6 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	7 – 12 năm
Thiết bị quản lý	3 – 06 năm
Phương tiện vận chuyển	06 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

9. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm từ năm 1998 đến năm 2001 và 09 năm được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% từ năm 2002 đến năm 2010.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục và nghiệp vụ trong Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2008	01/6/2008
Tiền mặt	56.941.497	15.518.831
Tiền gửi ngân hàng	6.811.590.977	10.224.044.678
Bao gồm:		
VND	5.878.521.470	
USD	237.676.642	
EUR	695.392.865	
Tương đương tiền	(*) 4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	10.868.532.474	14.239.563.509

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh Kiên Giang với mức lãi suất là 11.5%/năm.

2. Các khoản phải thu	31/12/2008	01/6/2008
Phải thu khách hàng	(*) 21.736.578.896	31.591.568.549
Trả trước người bán	23.640.000	145.465.536
Phải thu khác	(**) 650.508.204	2.266.793.500
Cộng các khoản phải thu	22.410.727.100	34.003.827.585
Dự phòng phải thu khó đòi		
Giá trị thuần các khoản phải thu	22.410.727.100	34.003.827.585

(*) Trong đó khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 638.296,91 USD tương đương 10.836.366.641 đồng.

(**) Bao gồm:	31/12/2008	01/6/2008
Phải thu tiền bán cổ phần từ Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	-	2.045.109.200
Phải thu cổ tức được chia từ Công ty Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang	302.400.000	-
Phải thu tiền bảo hiểm hàng hóa mất mát	77.898.412	71.866.994
Phải thu thuế thu nhập cá nhân từ công nhân viên	120.211.494	44.982.089
Phải thu tiền cho mượn - Trần Trung Kiên	50.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tháng 12/2008	29.450.000	-
Phải thu ứng trước tiền cho căn tin công ty	20.000.000	-
Phải thu tiền nộp thừa từ cơ quan BHXH, BHYT	15.492.655	10.390.323
Các khoản phải thu khác	35.055.643	94.444.894
Cộng	650.508.204	2.266.793.500

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2008	01/6/2008
3. Hàng tồn kho		
Hàng mua đang đi đường	-	17.858.989.504
Nguyên vật liệu	16.311.856.426	9.180.290.437
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.719.942.536	5.870.343.103
Thành phẩm	1.378.810.404	274.118.694
Công cụ dụng cụ	146.675.330	163.227.524
Cộng	26.557.284.696	33.346.969.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.125.538.538)	-
Giá trị thuần hàng tồn kho	22.431.746.158	33.346.969.262
4. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	338.504.562	296.913.659
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
	387.256.814	345.665.911

5. Tài sản cố định hữu hình

	NC, VKT	MMTB	PTVT	TBQL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	13.594.838.459	75.478.605.570	1.241.644.292	770.557.180	91.085.645.501
Tăng	-	45.545.455	594.549.630	83.956.760	724.051.845
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.594.838.459	75.524.151.025	1.836.193.922	854.513.940	91.809.697.346
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.250.366.855	50.737.571.060	918.508.079	661.224.768	57.567.670.762
Tăng	461.918.329	2.188.540.698	40.715.319	39.499.277	2.730.673.623
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.712.285.184	52.926.111.758	959.223.398	700.724.045	60.298.344.385
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	8.344.471.604	24.741.034.510	323.136.213	109.332.412	33.517.974.739
Số dư cuối kỳ	7.882.553.275	22.598.039.267	876.970.524	153.789.895	31.511.352.961

Tài sản cầm cố thế chấp

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2008/NHNT-LDBB ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty đã chế chấp toàn bộ tài sản cố định với giá trị nguyên giá 92.437.380.000 đồng và toàn bộ hàng hóa tồn kho, công nợ phải thu, hàng hóa chưa thanh toán ... thể hiện trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được trình bày tại mục 10 và mục 13. (Theo hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp trên chỉ là cơ sở để bên nhận thế chấp xem xét cho vay nhưng không áp dụng khi xử lý tài sản).

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Hao mòn	291.666.667	145.858.090	-	437.524.757
Giá trị còn lại	4.708.333.333			4.562.475.243

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu của Công ty.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	01/6/2008
Chi phí xây dựng nhà kho	1.152.924.760	-
Cộng	1.152.924.760	-

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008	01/6/2008
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (*)	3.605.200.000	3.605.200.000
Cộng	3.605.200.000	3.605.200.000

(*) Bao gồm các khoản đầu tư vào các Công ty:

	Số lượng CP	Giá trị (đồng)
- Công ty CP Xi Măng Hà Tiên	100.520	1.005.200.000
- Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	120.000	1.200.000.000
- Công ty CP XM Hà Tiên Kiên Giang	140.000	1.400.000.000
Cộng	360.520	3.605.200.000

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2008	01/6/2008
Thuế do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	85.301.387	49.150.536
Cộng	85.301.387	49.150.536

10. Vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

	Số dư nợ vay ngày 30/5/08	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay ngày 31/12/08
Ngân hàng Vietcombank - Kiên Giang	56.011.586.115 (a)	36.811.175.672	56.774.096.915	36.048.664.872
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.323.833.193			1.997.191.650
Cộng	58.335.419.308	36.811.175.672	-	38.045.856.522

(a) Bao gồm các khoản vay trong kỳ là: 35.961.109.458 đồng và chênh lệch tỷ giá là 850.066.214 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương - chi nhánh Kiên Giang có số dư nợ tại ngày 31/12/2008 là 2.123.382,51 USD tương đương 36.048.664.872 đồng, bao gồm các khoản vay theo hợp đồng số 10/2008/NHNT-LDBB ngày 11/4/2008, có số dư nợ 60.240,00 USD, lãi suất 9,00%/năm, và khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 12/2008/VCB-BBHT ngày 22/7/2008, hạn mức tín dụng là 3.000.000,00 USD, lãi suất giao động từ 6,30% đến 9,50%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục 5.

11. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2008	01/6/2008
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	439.639.367	2.473.267.689
Thuế nhập khẩu	56.511.012	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.080.182	261.181.110
Thuế thu nhập cá nhân	6.715.595	-
Cộng	576.946.156	2.734.448.799

12. Các khoản phải trả khác	31/12/2008	01/6/2008
Phải trả về cổ phần hóa	8.687.548.239	12.641.807.439
- Bao gồm: Phải trả tiền bán cổ phần	4.623.683.981	
- Phải trả chênh lệch vốn nhà nước	3.973.014.258	
- Phải trả tiền thanh lý tài sản công ty trước CP hóa	90.850.000	
Phải trả cổ tức năm 2008	2.799.251.000	-
Kinh phí công đoàn	289.038.616	267.880.708
Phải trả phí kiểm toán năm 2008	40.000.000	
Phải trả khác	65.453.062	1.381.727.985
Cộng	11.881.290.917	14.291.416.132

13. Vay và nợ dài hạn

	Số dư nợ vay ngày 30/5/08	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay ngày 31/12/08
NH Vietcombank - Kiên Giang	5.278.615.294 (*)	154.067.150	2.380.518.343	3.052.164.101
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.323.833.193)			(1.997.191.650)
Cộng	2.954.782.101	154.067.150	2.380.518.343	1.054.972.451

(*) Là khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc vay ngoại tệ cuối kỳ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương - chi nhánh Kiên Giang với tổng hạn mức tín dụng của các hợp đồng vay này là 603.300,00 USD và 11.704.206.000 đồng. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2008 là 133.400,00 USD và 787.432.301 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Số dư ngày 01/6/08	Tăng	Giảm	Số dư ngày 31/12/08
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.998.703	-	-	3.998.703
Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.740.477	320.389.250	71.086.000	262.043.727
Lợi nhuận chưa phân phối	49.150.536	5.414.910.475	4.009.539.786	1.454.521.225
Cộng	40.065.889.716	5.735.299.725	4.080.625.786	41.720.563.655

a) Chi tiết vốn đầu tư

	Kỳ này		
	Tổng số CP	Cổ phần thường	Giá trị (đồng)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.538.050	1.538.050	15.380.500.000
Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	1.538.050	1.538.050	15.380.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Phương Nam	400.000	400.000	4.000.000.000
Các cổ đông khác	523.900	523.900	5.239.000.000
Cộng	4.000.000	4.000.000	40.000.000.000

b. Cổ phiếu

	Năm nay
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	4.000.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

c) Tình hình phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	49.150.536
Lãi sau thuế trong kỳ	5.414.910.475
Cộng lũy kế	5.464.061.011
Tạm ứng cổ tức cho các bên góp vốn	3.640.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (7% lợi nhuận lũy kế từ 01/6/2008 đến 30/9/2008)	320.389.250
Giảm khác	49.150.536
Cộng giảm	4.009.539.786
Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm	1.454.521.225

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Doanh thu	Kỳ này
Doanh thu bán thành phẩm	93.345.268.650
Doanh thu bán hàng hóa (nguyên vật liệu, vật tư)	3.243.634.660
Cộng	96.588.903.310
16. Giá vốn hàng bán	
Giá vốn thành phẩm	75.599.862.244
Giá vốn hàng hóa	3.011.230.435
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.125.538.538
Xử lý tài sản thiếu do kiểm kê	308.139.960
Cộng	83.044.771.177
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này
Lãi tiền gửi	522.290.795
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	745.227.773
Cổ tức được chia	628.173.685
Cộng	1.895.692.253
18. Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này
Lãi tiền vay	2.335.120.558
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	2.447.912.283
Chi phí tài chính khác	8.341.979
Cộng	4.791.374.820
19. Chi phí quản lý bán hàng	Kỳ này
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	564.805.768
Chi phí vật liệu bao bì	706.504.712
Khấu hao TSCĐ	145.858.090
Chi phí vận chuyển, bốc xếp trong nước	203.902.457
Hoa hồng bán hàng	68.370.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.729.918
Chi phí khác	94.752.476
Cộng	2.169.924.260

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này
Chi phí nhân viên	612.901.429
Phí ngân hàng	296.747.068
Chi phí quảng cáo, hội nghị	105.108.412
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	174.518.964
Chi phí vật liệu	382.296.142
Khấu hao TSCĐ	95.499.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.672.381
Chi phí bằng tiền khác	471.845.594
Cộng	2.608.589.507

21. Thu nhập khác	Kỳ này
Tài sản thừa từ kiểm kê	209.370.894
Thu từ chênh lệch giá	45.278.180
Nợ phải trả không xác định được đối tượng	40.000.000
Thu nhập khác	3.132.761
Cộng	297.781.835

22. Chi phí khác	Kỳ này
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	95.333.338
Chi phí khác	14.839.415
Cộng	110.172.753

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Công ty liên kết

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Công ty liên kết chủ

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Hà Tiên 1	Bên liên quan	Bán hàng	6.223.000.000
Công ty Cổ phần Hà Tiên 2	Bên liên quan	Bán hàng	46.326.922.233

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các công ty liên

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Hà Tiên 1	Bên liên quan	Phải thu	354.000.000
Công ty Cổ phần Hà Tiên 2	Bên liên quan	Phải thu	8.085.151.199

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/6/2008 đến ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Văn Ngọc Lưu

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đức

Tổng Giám đốc